

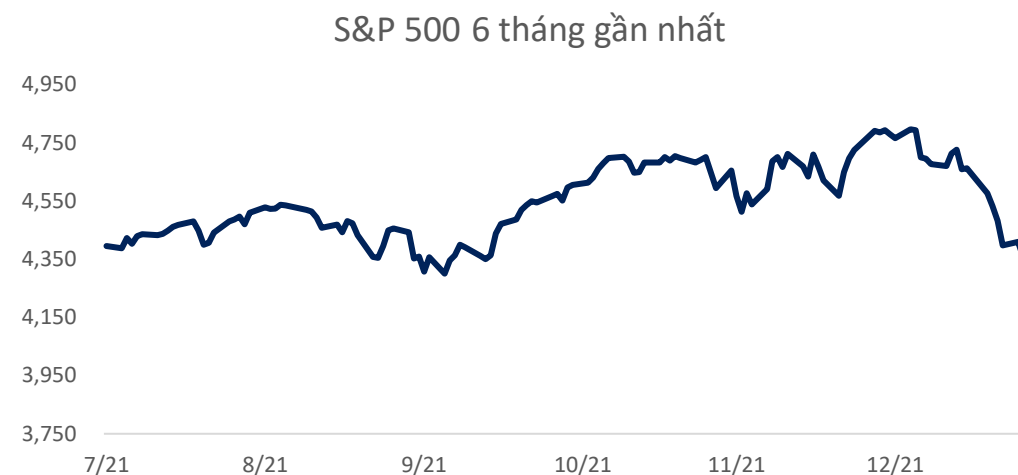


27/01/22

**DAILY** MORNING

Fed phát tín hiệu nâng  
lãi suất vào tháng 3/2022

|                   | 27/1     | % Sáng<br>27/1 | 26/1     | % Ngày<br>26/1 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,481.58 | 0.14%          | 2.69%  | 0.31%   |
| S&P 500           |          |                | 4,349.93 | -0.15%         | -4.03% | -7.95%  |
| S&P500<br>Futures | 4,349.25 | 0.18%          | 4,341.50 | -0.17%         | -2.80% | -9.05%  |
| Shanghai          |          |                | 3,455.67 | 0.66%          | -2.88% | -4.49%  |
| Euro Stoxx        |          |                | 4,164.60 | 2.12%          | -2.43% | -2.88%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | PTKT                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Kết thúc cuộc họp chính sách trong hai ngày 25 - 26/1, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) phát tín hiệu nâng lãi suất khoảng 0.25 điểm % sắp diễn ra vào tháng 3. Ủy ban lưu ý chương trình mua trái phiếu hàng tháng sẽ diễn ra ở mức 30 tỷ USD trong tháng 2/2022. Chủ tịch Powell cho biết chương trình mua tài sản trên thực tế có thể kết thúc trong tháng 3/2022.</li> <li>Doanh số mặt hàng xa xỉ cá nhân tại Trung Quốc trong năm 2021 đạt 471 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 73.59 tỷ USD), tăng 36% so với năm 2020. So với năm 2019, thời điểm trước đại dịch, con số này cao hơn gấp đôi.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Kháng cự 4500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hỗ trợ 4000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



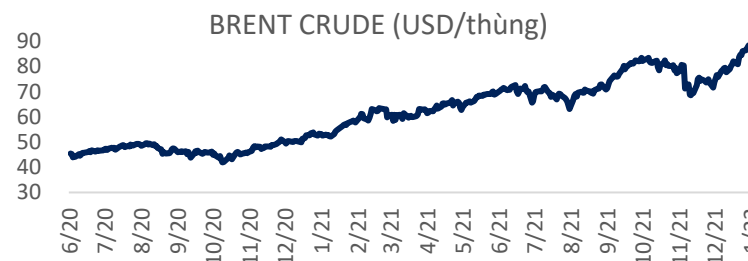
Nguồn: Bloomberg, BSC

# Giá dầu cao nhất trong 7 năm

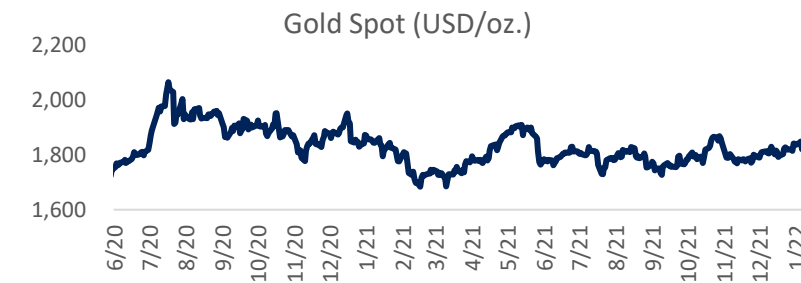
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 27/1     | % Sáng 27/1 | 26/1    | % 26/1 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 87.25    | -0.11%      | 87.35   | 2.04%  | 1.99%  | 16.05%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 89.96    | 2.00%       | 88.20   | 2.24%  | 1.72%  | 15.01%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USD/gal. | 252.00   | -0.11%      | 252.29  | 2.58%  | 2.35%  | 12.98%  | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,819.64 | 0.00%       | 1819.59 | -1.54% | -1.07% | 0.75%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 23.55    | 0.07%       | 23.53   | -1.18% | -3.78% | 2.28%   | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USD/bu.  | 1,440.00 | 2.33%       | 1407.25 | 0.00%  | 3.50%  | 7.40%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USD/bu.  | 795.00   | -2.81%      | 818.00  | 0.00%  | -0.19% | -2.42%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt. |          |             | 20.25   | 0.40%  | -6.64% | 0.30%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 236.30   | 0.42%       | 235.30  | 0.90%  | -5.67% | 1.29%   | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USD/lb.  |          |             | 18.49   | -1.54% | -3.04% | -3.90%  | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USD/lb.  |          |             | 238.90  | 0.42%  | -2.27% | 3.33%   | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 9916.50 | 1.18%  | 0.76%  | 3.22%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,688.00 | 0.00%       | 4688.00 | 0.24%  | -0.38% | 6.89%   | HSG, HPG, NKG      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 3094.00 | 0.06%  | 1.43%  | 9.54%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 773.50   | 1.05%       | 765.50  | 2.00%  | 4.67%  | 10.98%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 234.60  | 4.73%  | 9.50%  | 40.82%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

- Giá dầu vượt ngưỡng cao nhất lần đầu tiên trong 7 năm, được hỗ trợ bởi nguồn cung hạn hẹp và căng thẳng chính trị giữa Nga và Ukraina ngày càng tăng.



Nguồn: Bloomberg, BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC

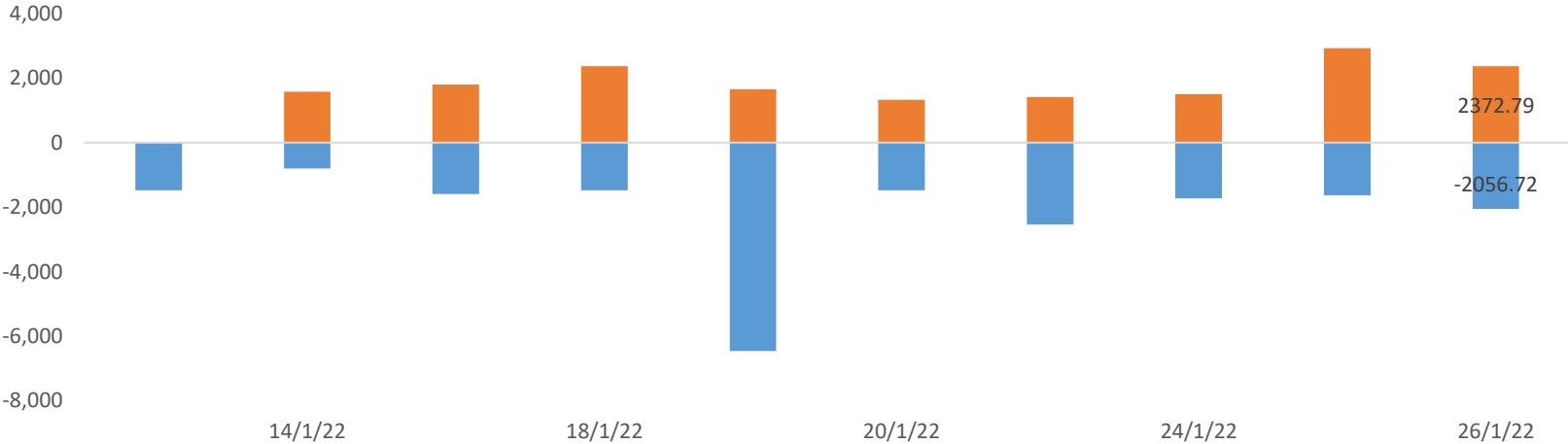
# Các Quỹ ETF có giao dịch trái chiều

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                         |
| VNM        | 544.0            | 19.7            | -                  | -1.7%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -10.3 | ETF FUBON FTSE, Finlead tăng quy mô, ETF FTSE, E1 giảm quy mô, các ETF còn lại có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở thị trường Thailand, Vietnam, Malaysia và bán ròng các thị trường còn lại |
| FTSE       | 379.9            | 44.9            | (0.0)              | -3.0%        | -0.9                      | -0.9 | 2.1  | -10.5 |                                                                                                                                                                                                                                         |
| iShare     | 498.7            | 0.0             | -                  | 0.0%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 3.5   |                                                                                                                                                                                                                                         |
| E1VFN30    | 470.9            | 1.1             | (0.7)              | -0.5%        | -0.8                      | -0.2 | -3.6 | -1.6  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| FUEVFN30   | 602.5            | 1.2             | (0.0)              | 0.3%         | 0.0                       | 0.7  | -1.2 | 27.0  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| FUBON FTSE | 503.3            | 0.6             | 6.0                | 0.6%         | 3.7                       | 14.7 | 51.1 | 22.7  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| FUESSVFL   | 167.3            | 1.0             | 2.7                | 1.3%         | 2.7                       | 4.1  | 9.0  | 29.2  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| FUESSVN30  | 4.8              | 0.8             | (0.0)              | 0.4%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -0.2  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| FUEMAVN30  | 30.3             | 0.8             | (0.0)              | -0.2%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -3.7  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| VN100      | 6.7              | 0.9             | 0.0                | 0.5%         | 0.0                       | 0.0  | 0.6  | 0.7   |                                                                                                                                                                                                                                         |
| KIM        | 182.3            | 19.6            | -                  | -0.2%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -9.8  |                                                                                                                                                                                                                                         |
| PREMIA     | 30.7             | 13.0            | -                  | 0.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.5  | 1.1   |                                                                                                                                                                                                                                         |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày    | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|----------------------|---------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | 15.94   | 65.95              | -150.47             |
| ASEAN4*              | 27.53   | 308.66             | 232.01              |
| Ấn Độ                | -522.83 | -522.83            | -2204.37            |
| Đài Loan             | -554.16 | -2122.07           | -1950.72            |
| Hàn Quốc             | -155.44 | -1033.14           | -1040.04            |
| Nhật Bản             |         | 89.73              | 6816.20             |
| Trung Quốc           |         |                    | 10945.83            |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM % |
|---------------------|-------|
| Việt Nam            | 0.87  |
| Thái Lan            | -5.92 |
| Singapores          | 0.87  |
| Phillippines        | 28.60 |
| Malaysia            | 10.25 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Kiểm tra ngưỡng đỉnh 1480 điểm

## Tin vĩ mô

- Năm 2021 tổng kim ngạch xuất khẩu da giày đạt 20,78 tỷ USD (tăng 4,6% so với năm 2020). Trong đó xuất khẩu giày dép đạt 17,77 tỷ USD (tăng 6,1%); xuất khẩu valy, túi, cặp đạt gần 3,01 tỷ USD (giảm 3,2%) so với năm 2020. Ngành da giày – túi xách 2022 được dự đoán sẽ tăng 10-15% so với năm 2021, đạt khoảng 23-25 tỷ USD.
- Dự án đường Vành đai 4 - vùng Thủ đô Hà Nội theo hình thức đầu tư hỗn hợp được chia tách thành 3 dự án thành phần: (1) thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng tái định cư; (2) đầu tư xây dựng đường đô thị, đường song hành theo hình thức đầu tư công; (3) dự án đầu tư đường cao tốc theo hình thức đối tác công tư PPP.
- NHNN đã bơm gần 3.915 tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN đấu thầu mua thành công 3.914,97 tỷ đồng giấy tờ có giá từ 3 thành viên tham gia, với kỳ hạn 14 ngày và lãi suất 2,5%/năm. Đây là phiên bơm thanh khoản thứ 3 liên tiếp của NHNN trong tuần này với tổng khối lượng lũy kế đạt hơn 7.822 tỷ.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1500      |
| Hỗ trợ   | 1440      |



Nguồn: Trading view, BSC

BSC i-Bond

BSC  
Fortune

BSC  
Invest

BSC  
iBROKER

- VGC: Quý IV/2021, VGC ghi nhận doanh thu 3.692,47 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 442,3 tỷ đồng, lần lượt tăng 58,8% và 324,5% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế trong năm 2021, công ty ghi nhận doanh thu 11.200,6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế 1.280,2 tỷ đồng, lần lượt tăng 18,7% và 91,8% so với cùng kỳ năm trước.
- FMC: Quý IV/2021, FMC ghi nhận doanh thu đạt 1.444,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 110,4 tỷ đồng, lần lượt tăng 19,4% và 73,6% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế trong năm 2021, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 5.199,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 286,93 tỷ đồng, lần lượt tăng 17,8% và 27% so với cùng kỳ năm trước.
- TDH: Quý IV/2021, công ty mẹ TDH ghi nhận doanh thu là âm 14,74 tỷ đồng so với cùng kỳ lãi 44,98 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế âm 778,3 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 37,96 tỷ đồng. Lũy kế trong năm 2021, Công ty ghi nhận doanh thu giảm 98% về 16,39 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế âm 715,2 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 379,48 tỷ đồng. Do đó, lỗ lũy kế của Công ty tính tới 31/12/2021 đã là 611,5 tỷ đồng và bằng 54,3% vốn điều lệ.
- FTM: Ngày 24/1, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có công văn gửi về việc cổ phiếu FTM có khả năng hủy niêm yết bắt buộc, do kinh doanh thua lỗ 3 năm liên tiếp.
- CCI: Ngày 22/2 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 23/2. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 31/3/2022.
- SMB: Ngày 18/2 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 21/2. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 02/3/2022.
- TNH: Ngày 27/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 28/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:25 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 25 cổ phiếu), tương đương TNH sẽ phát hành thêm hơn 10,37 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.
- KKC: Thông báo, ngày 14/2 sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ. Theo đó, cổ phiếu được chia theo tỷ lệ 10,891% (cổ đông sở hữu 100.000 cổ phiếu được nhận 10.819 cổ phiếu).
- LCG: Bà Lê Thị Phương Nam, Phó Tổng Giám đốc, đã bán 382.000 cp, giảm lượng sở hữu sau giao dịch xuống 340.000 cp. Giao dịch thực hiện từ 5/1 đến 24/1/2022.
- TCM: Cty E-Land Asia Holdings Pte.Ltd đăng ký mua 1,2 triệu cp. Trước giao dịch công ty này sở hữu 30.876.476 cp (tỷ lệ 43,27%). Giao dịch dự kiến thực hiện từ 7/2 đến 7/3/2022.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
17 Tông Đản, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*